TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:151/2019/QĐST-HNGĐ	*Bắc Giang, ngày 02 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 và Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 230/2019/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 6 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Trần Văn D, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 4, phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ngõ 77 đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh D và chị T đăng ký kết hôn ngày 20/8/2018 tại UBND phường Mỹ Độ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được tự do tìm hiểu trước khi kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng ly thân từ tháng 3/2019 đến nay. Tại biên bản hòa giải ngày 24/6/2019 Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng Anh D, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của Anh D, chị T là hoàn toàn tự nguyện. Anh D, chị T đều xác định không còn tình cảm vợ chồng gì với nhau, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn nên cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của Anh D, chị T theo Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh D, chị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về lệ phí: Anh D, chị T xác nhận mỗi người nộp 150.000 đồng theo Biên lai số AA/2016/0000491 ngày 07/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Anh D, chị T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn D và chị Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh D, chị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

2. Về lệ phí Tòa án: Anh D, chị T mỗi người chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí Tòa án nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà mỗi người đã nộp 150.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0000491 ngày 07/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận, các đương sự đã thi hành xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi Cục THADS TP B;
- VKSNDTP B;
- UBND phường M, tp. B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ việc.

THẨM PHÁN

Trần Mạnh Thắng